

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016



**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thông tin về Tổng Công ty**

**Các văn bản pháp lý liên  
quan đến thành lập  
Tổng Công ty**

Quyết định số 259/2006/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam bao gồm các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc.

Quyết định số 952/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu từ ngày 1 tháng 7 năm 2010.

**Giấy chứng nhận Đăng ký  
Doanh nghiệp số**

0100107518

ngày 8 tháng 7 năm 2016

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh năm lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100107518 ngày 8 tháng 7 năm 2016. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Ngọc Minh

Chủ tịch (từ ngày 1 tháng 6 năm 2016)

Ủy viên (đến ngày 30 tháng 5 năm 2016)

Ông Phạm Việt Thanh

Chủ tịch (đến ngày 30 tháng 5 năm 2016)

Ông Lưu Văn Hạnh

Ủy viên

Ông Nguyễn Huy Tráng

Ủy viên

Ông Nguyễn Xuân Minh

Ủy viên

Ông Dương Trí Thành

Ủy viên (từ ngày 1 tháng 6 năm 2016)

**Ban Giám đốc**

Ông Dương Trí Thành

Tổng Giám đốc

(từ ngày 1 tháng 6 năm 2016)

Phó Tổng Giám đốc

(đến ngày 30 tháng 5 năm 2016)

Ông Phạm Ngọc Minh

Tổng Giám đốc

(đến ngày 30 tháng 5 năm 2016)

Ông Phan Xuân Đức

Phó Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Hồng Quang

Phó Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Ngọc Thành

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Trọng

Phó Tổng Giám đốc

Ông Lê Hồng Hà

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Minh Hải

Phó Tổng Giám đốc

Ông Đặng Ngọc Hòa

Phó Tổng Giám đốc

(từ ngày 8 tháng 3 năm 2016)

Ông Trần Thanh Hiền

Kế toán trưởng

**Trụ sở đăng ký**

200 Nguyễn Sơn  
Long Biên, Hà Nội  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 64 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn; và
- (c) ban Giám đốc Tổng Công ty đã xem xét và đánh giá việc ghi nhận khoản hỗ trợ tín dụng mà Tổng Công ty được cấp theo hợp đồng vật liệu và dịch vụ sửa chữa động cơ máy bay, và theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty, cách ghi nhận hiện tại của Tổng Công ty đối với giao dịch này là hợp lý và phù hợp với các điều kiện và khả năng thực hiện hợp đồng.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Hà Nội, 14-09-2016

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP (“Tổng Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 14-09-2016, được trình bày từ trang 6 đến trang 64.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Cơ sở của kết luận ngoại trừ**

#### ***Số liệu bàn giao sang công ty cổ phần***

Các số dư đầu kỳ tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 được mang sang căn cứ trên số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là số liệu đã bao gồm các xử lý tài chính tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 – thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện quyết toán để xác định và phê duyệt số liệu bàn giao sang công ty cổ phần. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

### ***Trích trước chênh lệch tỷ giá hối đoái dự kiến phát sinh***

Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập chi phí phải trả lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái trị giá 1.038.538 triệu VND dựa trên những ước tính của Ban Giám đốc về sự suy giảm giá trị của Đồng Việt Nam so với các ngoại tệ đến cuối năm 2016. Việc ghi nhận khoản trích trước chi phí phải trả lỗ chênh lệch tỷ giá dự kiến phát sinh trong tương lai này không phù hợp với các quy định về hạch toán chênh lệch tỷ giá của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái cũng như Thông tư 200. Do việc trích trước chênh lệch tỷ giá hối đoái dự kiến phát sinh trong tương lai này, tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, chi phí phải trả và chi phí tài chính bị ghi nhận cao hơn thực tế, lợi nhuận thuần sau thuế và lợi nhuận chưa phân phối bị ghi nhận thấp hơn thực tế là 1.038.538 triệu VND.

### ***Hỗ trợ tín dụng được cấp theo hợp đồng vật liệu và dịch vụ sửa chữa động cơ máy bay***

Theo các điều khoản của hợp đồng vật liệu và dịch vụ sửa chữa động cơ máy bay (“Hợp đồng”), Tổng Công ty được cấp một khoản hỗ trợ tín dụng với giá trị cụ thể. Tuy nhiên, Tổng Công ty chỉ được hưởng toàn bộ khoản hỗ trợ tín dụng này khi đáp ứng được tất cả các điều kiện theo quy định của Hợp đồng bao gồm những yêu cầu đối với việc mua máy bay/động cơ/vật liệu cho sửa chữa và việc thực hiện sửa chữa. Trong trường hợp Tổng Công ty không thỏa mãn tất cả các điều kiện đó thì Tổng Công ty sẽ phải hoàn trả cho nhà cung cấp phần hỗ trợ tín dụng chưa đủ điều kiện được hưởng tính theo tỷ lệ tương ứng.

Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty đã ghi nhận khoản thu nhập khác trị giá 306.861 triệu VND đối với khoản hỗ trợ tín dụng được cấp dựa trên đánh giá của Tổng Công ty về khả năng thực hiện cam kết và các điều kiện của hợp đồng. Theo đó, tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty đã ghi nhận toàn bộ giá trị của khoản hỗ trợ tín dụng được cấp là thu nhập khác mặc dù Tổng Công ty chưa thỏa mãn toàn bộ các điều kiện của Hợp đồng để hưởng khoản hỗ trợ tín dụng được cấp này.

Theo ý kiến của chúng tôi, khoản hỗ trợ tín dụng cần phải được ghi nhận là một khoản nợ phải trả tại ngày được cấp và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho phần hỗ trợ tín dụng được hưởng tương ứng với tỷ lệ các điều kiện đã được thỏa mãn. Tổng Công ty đánh giá khả năng thực hiện cam kết và các điều kiện của hợp đồng là tương đối chắc chắn và do đó chưa thực hiện ước tính về tỷ lệ thỏa mãn các điều kiện theo quy định của Hợp đồng. Vì vậy chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với số liệu thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này cho các khoản mục liên quan trên bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2016.

### **Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trong phần Cơ sở của kết luận ngoại trừ, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khác khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## Vấn đề khác

Như được trình bày tại Thuyết minh số 2(a), báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập theo Quy định chế độ báo cáo tài chính hợp nhất do Tổng Công ty ban hành tại Quyết định số 1913/QĐ-TCTHK-TCKT ngày 18 tháng 12 năm 2015. Quyết định này được xây dựng dựa trên Quyết định số 2581/QĐ-TCTHK-TCKT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Tổng Công ty đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 17011/BTC-CDKT ngày 14 tháng 12 năm 2011. Chế độ báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho Tổng Công ty có một số khác biệt so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“VAS”) số 7 “Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết”, VAS 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con” ban hành theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 và hướng dẫn thực hiện tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ chín tháng từ ngày 1 tháng 4 năm 2015 (ngày Tổng Công ty chuyển đổi hình thức doanh nghiệp) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên trong báo cáo kiểm toán ngày 31 tháng 3 năm 2016 liên quan đến việc số liệu bàn giao sang công ty cổ phần của Tổng Công ty chưa được cơ quan có thẩm quyền quyết toán và phê duyệt và việc Tổng Công ty ghi nhận toàn bộ doanh thu nhận trước tương ứng với nghĩa vụ phải cung cấp cho khách hàng thường xuyên vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Đồng thời công ty kiểm toán này cũng đưa ra trong báo cáo kiểm toán một số vấn đề cần nhấn mạnh về việc (i) trong kỳ Tổng Công ty thực hiện thay đổi giá trị tối thiểu phân bổ chi phí bảo dưỡng, sửa chữa đối với thân máy bay, động cơ chính, động cơ phụ và càng máy bay, (ii) các khoản mục “Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” liên quan đến nghiệp vụ xử lý tài chính của cổ phần hóa chưa được phân loại lại sang khoản mục phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất, và (iii) việc trình bày số liệu so sánh của báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là các số liệu của kỳ ba tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (ngày trước ngày Tổng Công ty chuyển đổi thành công ty cổ phần).

Các số liệu so sánh trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh liên quan là số liệu của kỳ ba tháng từ ngày 1 tháng 4 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015. Các số liệu so sánh này chưa được soát xét.

## Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 16-02-057/2016-b



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 14-09-2016

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>19.130.560.211.260</b>	<b>19.256.814.319.168</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>3.888.256.294.364</b>	<b>4.573.823.236.419</b>
Tiền	111		2.547.786.294.364	1.670.443.696.419
Các khoản tương đương tiền	112		1.340.470.000.000	2.903.379.540.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>422.880.768.622</b>	<b>382.168.126.400</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	422.880.768.622	382.168.126.400
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>12.309.214.092.679</b>	<b>12.169.198.648.256</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	3.577.391.372.846	3.131.652.305.918
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11	7.428.819.187.626	7.912.211.459.074
Phải thu ngắn hạn khác	136	12(a)	1.382.043.191.581	1.202.279.559.415
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(79.902.220.676)	(76.944.676.151)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		862.561.302	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>14</b>	<b>2.123.844.385.870</b>	<b>1.726.976.386.814</b>
Hàng tồn kho	141		2.197.033.562.853	1.800.165.563.797
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(73.189.176.983)	(73.189.176.983)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>386.364.669.725</b>	<b>404.647.921.279</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	19(a)	273.237.236.903	190.354.796.751
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		37.710.074.507	88.161.176.575
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	22	75.417.358.315	126.131.947.953

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP****Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>73.445.302.559.455</b>	<b>69.924.859.260.859</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>8.878.987.217.139</b>	<b>7.035.592.036.487</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	10	1.394.607.563	1.394.607.563
Trả trước cho người bán dài hạn	212	11	6.928.451.500.870	4.706.455.189.310
Phải thu dài hạn khác	216	12(b)	1.950.535.716.269	2.329.136.847.177
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	13	(1.394.607.563)	(1.394.607.563)
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>56.728.381.329.509</b>	<b>55.315.671.429.548</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	15	16.871.794.725.496	13.809.204.834.731
<i>Nguyên giá</i>	222		29.721.490.529.833	26.085.738.595.934
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(12.849.695.804.337)	(12.276.533.761.203)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	16	39.698.008.903.918	41.331.600.436.158
<i>Nguyên giá</i>	225		55.206.093.175.154	55.222.992.538.504
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(15.508.084.271.236)	(13.891.392.102.346)
Tài sản cố định vô hình	227	17	158.577.700.095	174.866.158.659
<i>Nguyên giá</i>	228		574.288.971.201	554.587.763.523
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(415.711.271.106)	(379.721.604.864)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>583.954.844.337</b>	<b>549.443.472.298</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	18	583.954.844.337	549.443.472.298
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>9(b)</b>	<b>1.932.667.117.786</b>	<b>1.965.615.687.420</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		1.523.918.294.572	1.580.149.049.570
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		423.908.973.659	399.654.272.193
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(15.160.150.445)	(14.187.634.343)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.321.312.050.684</b>	<b>5.058.536.635.106</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	19(b)	4.958.946.284.007	4.709.747.033.955
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	20	3.346.665.690	4.269.722.020
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		359.019.100.987	344.519.879.131
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>92.575.862.770.715</b>	<b>89.181.673.580.027</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*



**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP****Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
<b>(300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>78.841.084.220.389</b>	<b>77.039.282.058.727</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>31.098.242.596.267</b>	<b>27.734.757.745.676</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	9.898.636.654.694	9.168.019.083.489
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		256.770.888.470	241.018.798.623
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22	513.546.206.848	384.432.920.223
Phải trả người lao động	314		947.771.922.854	1.088.766.534.253
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23	4.527.505.782.097	2.546.685.931.344
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	24	396.884.985.460	5.740.256.916
Phải trả ngắn hạn khác	319	25(a)	711.576.457.695	356.898.773.966
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	26(a)	13.668.664.698.017	13.751.347.810.670
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	27	42.695.954.613	40.339.407.446
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		134.189.045.519	151.508.228.746
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>47.742.841.624.122</b>	<b>49.304.524.313.051</b>
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.651.973.600	289.324.000
Phải trả dài hạn khác	337	25(b)	1.005.705.499.838	814.295.607.886
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	26(b)	46.693.333.014.753	48.482.856.905.144
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	20	42.151.135.931	7.082.476.021

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>13.734.778.550.326</b>	<b>12.142.391.521.300</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>28</b>	<b>13.734.778.550.326</b>	<b>12.142.391.521.300</b>
Vốn cổ phần	411	29	11.198.648.400.000	11.198.648.400.000
▪ <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		11.198.648.400.000	11.198.648.400.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		36.493.938.542	36.493.938.542
Vốn khác của chủ sở hữu	414		242.112.352.995	158.188.957.570
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(1.153.004.222.954)	(1.153.004.222.954)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		179.027.009.160	190.743.186.933
Quỹ đầu tư phát triển	418		21.447.162.691	103.642.172.417
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		1.068.628.929.237	1.068.628.929.237
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.024.298.861	2.024.298.861
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.682.034.313.976	65.279.379.622
▪ <i>LNST chưa phân phối/(lỗ) lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		21.105.620.859	(82.526.458.173)
▪ <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		1.660.928.693.117	147.805.837.795
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	30	457.366.367.818	471.746.481.072
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>92.575.862.770.715</b>	<b>89.181.673.580.027</b>

14 -09- 2016

Người lập:



Hồ Xuân Tam  
Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Trần Thanh Hiền  
Kế toán trưởng



  
Dương Trí Thành  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2016****Mẫu B 02a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND</b>	<b>Kỳ 3 tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND Chưa soát xét</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>32</b>	<b>34.950.903.036.936</b>	<b>15.786.493.081.504</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>32</b>	<b>204.512.249.499</b>	<b>93.956.130.069</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>32</b>	<b>34.746.390.787.437</b>	<b>15.692.536.951.435</b>
<b>Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ</b>	<b>11</b>		<b>28.912.271.951.477</b>	<b>13.758.551.796.230</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>5.834.118.835.960</b>	<b>1.933.985.155.205</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	471.342.105.660	344.378.220.233
Chi phí tài chính	22	34	1.853.703.174.509	893.076.866.245
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>661.509.017.184</i>	<i>281.659.575.205</i>
Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	24		49.092.138.120	(93.237.775.287)
Chi phí bán hàng	25	35	2.332.798.874.593	869.413.957.227
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	911.308.720.976	338.203.969.953
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>1.256.742.309.662</b>	<b>84.430.806.726</b>
Thu nhập khác	31	37	795.118.091.094	124.347.786.502
Chi phí khác	32		17.925.118.464	7.768.199.882
<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>777.192.972.630</b>	<b>116.579.586.620</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND Chưa soát xét
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.033.935.282.292	201.010.393.346
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	39	191.404.051.573	76.975.090.196
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	39	35.991.716.240	4.797.173.197
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.806.539.514.479	119.238.129.953
<b>Phân bổ cho:</b>				
Cổ đông của công ty mẹ	61		1.682.109.588.128	16.280.671.722
Cổ đông không kiểm soát	62		124.429.926.351	102.957.458.231
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	40	1.502	15

14-09-2016

Người lập:

  
 Hồ Xuân Tam  
 Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:

  
 Trần Thanh Hiền  
 Kế toán trưởng

  
 Dương Tri Thành  
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>Kỳ 6 tháng kết thúc</b>	<b>Kỳ 3 tháng kết thúc</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>ngày 30/6/2016</b>	<b>ngày 30/6/2015</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
				<b>Chưa soát xét</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>2.033.935.282.292</b>	<b>201.010.393.346</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		2.526.731.369.072	977.853.706.094
Các khoản dự phòng	03		6.286.607.794	1.139.168.417
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do				
đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có				
gốc ngoại tệ	04		534.171.216.418	285.423.210.531
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(256.070.426.609)	(140.982.327.572)
Chi phí lãi vay	06		661.509.017.184	281.659.575.205
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>08</b>		<b>5.506.563.066.151</b>	<b>1.606.103.726.021</b>
<b>trước những thay đổi vốn lưu động</b>				
Biến động các khoản phải thu	09		(760.682.075.388)	(339.432.380.077)
Biến động hàng tồn kho	10		(411.367.220.912)	(248.201.162.279)
Biến động các khoản phải trả và				
nợ phải trả khác	11		2.389.071.794.140	175.730.813.192
Biến động chi phí trả trước	12		(332.081.690.204)	763.336.656.837
			<b>6.391.503.873.787</b>	<b>1.957.537.653.694</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(731.016.678.458)	(274.558.590.739)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(191.861.618.376)	(90.699.629.983)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		912.936.379.877	32.096.599.596
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.590.219.460.301)	(1.796.722.509.065)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động</b>	<b>20</b>		<b>4.791.342.496.529</b>	<b>(172.346.476.497)</b>
<b>kinh doanh</b>				

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>Kỳ 6 tháng kết thúc</b>	<b>Kỳ 3 tháng kết thúc</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>ngày 30/6/2016</b>	<b>ngày 30/6/2015</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
				<b>Chưa soát xét</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(4.417.961.224.782)	(158.030.055.866)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		150.678.244.555	14.528.041.148
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(577.915.602.222)	(200.870.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		537.202.960.000	183.550.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(25.000.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		2.915.300.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		159.265.638.958	31.336.464.047
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(4.170.814.683.491)</b>	<b>(129.485.550.671)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		24.511.846.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		13.262.796.626.212	12.964.723.858.085
Tiền trả nợ gốc vay	34		(11.827.657.419.372)	(11.696.753.615.099)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(2.632.746.435.567)	(762.506.818.077)
Tiền trả cổ tức	36		(139.749.125.217)	(95.480.716.464)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.312.844.507.944)</b>	<b>409.982.708.445</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND Chưa soát xét
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(692.316.694.906)	108.150.681.277
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		4.573.823.236.419	3.410.962.685.512
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		6.749.752.851	15.193.894.998
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	8	3.888.256.294.364	3.534.307.261.787

14 -09- 2016

Người lập:



Hồ Xuân Tam  
Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:





Trần Thanh Hiền  
Kế toán trưởng

Dương Trí Thành  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016**

**Mẫu B 09a- DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP (“Tổng Công ty”) tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 259/2006/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc (“các đơn vị phụ thuộc”).

Căn cứ vào Quyết định số 952/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2010 về việc chuyển Tổng Công ty Hàng không Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu từ ngày 1 tháng 7 năm 2010; Tổng Công ty Hàng không Việt Nam hoạt động dưới hình thức doanh nghiệp Nhà nước, được chuyển đổi thành Tổng Công ty Hàng không Việt Nam hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH Một thành viên.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010 và thay đổi lần thứ ba ngày 1 tháng 4 năm 2015, Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên được chuyển đổi thành công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP kể từ ngày 1 tháng 4 năm 2015.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm:

- Vận chuyển hàng không đối với hành khách;
- Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp quản lý vốn sản xuất kinh doanh; đầu tư ra nước ngoài; mua, bán doanh nghiệp; góp vốn mua cổ phần và chuyển nhượng vốn góp, bán cổ phần;
- Vận chuyển hành lý, hàng hóa, bưu kiện, bưu phẩm, thư;
- Hoạt động hàng không chung (bay chụp ảnh địa hình, khảo sát địa chất, bay hiệu chuẩn các đài hướng dẫn đường hàng không, sửa chữa bảo dưỡng đường điện cao thế, phục vụ dầu khí, trồng rừng, kiểm tra môi trường, tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu y tế, bay phục vụ cho mục đích chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng);
- Cung ứng dịch vụ thương mại, du lịch, khách sạn, bán hàng miễn thuế tại nhà ga hàng không và các tỉnh, thành phố; các dịch vụ hàng không khác;
- Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa và các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không, sân bay;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); bảo dưỡng tàu bay, động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không và các thiết bị kỹ thuật khác;
- Sản xuất linh kiện, phụ tùng, vật tư tàu bay, trang thiết bị kỹ thuật và các nội dung khác thuộc lĩnh vực công nghiệp hàng không;
- Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật và vật tư phụ tùng cho các hãng hàng không trong nước và nước ngoài;



**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Dịch vụ giao nhận hàng hóa; đầu tư và khai thác hạ tầng kỹ thuật tại các sân bay; nhà ga hành khách, hàng hóa, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ đồng bộ trong dây chuyền vận tải hàng không;
- Vận tải đa phương thức;
- Xuất nhập khẩu tàu bay; động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không (thuê, cho thuê, thuê mua và mua, bán) và những mặt hàng khác theo quy định của Nhà nước;
- Sản xuất, xuất, nhập khẩu các trang thiết bị phục vụ dây chuyền vận tải hàng không;
- Sản xuất, chế biến, xuất, nhập khẩu thực phẩm để phục vụ trên tàu bay;
- Xuất, nhập khẩu xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu khác;
- Cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu khác tại các cảng hàng không sân bay;
- Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các nhà sản xuất tàu bay, động cơ, thiết bị, phụ tùng tàu bay, các công ty vận tải, du lịch trong nước và nước ngoài;
- In ấn (trừ các loại hình Nhà nước cấm);
- Xây dựng, tư vấn xây dựng (không bao gồm thiết kế công trình);
- Cung ứng lao động (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài); xuất, nhập khẩu lao động;
- Khoa học, công nghệ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ thương mại điện tử;
- Đào tạo; Tài chính, ngân hàng; Cho thuê tài chính (doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Tổng Công ty và các công ty con chỉ kinh doanh khi đạt điều kiện theo quy định của pháp luật.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty có 30 đơn vị trực thuộc, 15 công ty con và 5 công ty liên kết (1/1/2016: 34 đơn vị trực thuộc, 14 công ty con và 5 công ty liên kết).

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a-DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Thông tin chi tiết các công ty con, công ty liên kết tại ngày báo cáo như sau:

	30/6/2016		1/1/2016				
	Số cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Số cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Hoạt động chính
<b>Công ty con</b>	<b>Địa chỉ</b>						
Công ty Cổ phần Hàng không Jetstar Pacific Airlines ("Jetstar")	Việt Nam	16.386.437	68,46%	16.386.437	68,46%	68,46%	Kinh doanh vận tải hàng không
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	Việt Nam	-	100,00%	-	100,00%	100,00%	Sửa chữa, bảo dưỡng máy bay
Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không (SKYPEC)	Việt Nam	-	100,00%	-	100,00%	100,00%	Kinh doanh nhiên liệu hàng không
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	Việt Nam	13.738.478	55,13%	15.105.418	55,13%	55,13%	Dịch vụ phục vụ hàng hóa chuyển bay
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	Việt Nam	4.800.270	60,00%	4.936.278	60,00%	60,00%	Cung cấp suất ăn trên máy bay
Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	Việt Nam	-	100,00%	-	100,00%	100,00%	Cung cấp suất ăn cho các chuyến bay
Công ty Cổ phần Đào tạo Bay Việt	Việt Nam	3.400.000	51,52%	3.400.000	51,52%	51,52%	Đào tạo phi công
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	Việt Nam	3.060.000	52,73%	3.060.000	52,73%	52,73%	Cung cấp dịch vụ tin học và viễn thông
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hóa Tân Sơn Nhất	Việt Nam	-	55,00%	-	55,00%	55,00%	Dịch vụ phục vụ hàng hóa chuyển bay
Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Hàng hóa Tân Sơn Nhất	Việt Nam	-	51,00%	-	51,00%	51,00%	Vận chuyển, giao nhận hàng hóa, cho thuê kho bãi
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	Việt Nam	2.524.500	51,00%	2.524.500	51,00%	51,00%	Dịch vụ phục vụ vận tải hàng không
Công ty TNHH Giao nhận Hàng hóa Vinako	Việt Nam	-	65,05%	-	65,05%	65,05%	Dịch vụ giao nhận hàng hóa, vận tải mặt đất, kho bãi
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lao động Hàng không	Việt Nam	510.000	51,00%	510.000	51,00%	51,00%	Xuất nhập khẩu lao động
Công ty Cổ phần Sabre Việt Nam	Việt Nam	178.900	90,00%	178.900	90,00%	90,00%	Dịch vụ đặt giữ chỗ tự động
Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam	Việt Nam	-	100,00%	-	-	-	Dịch vụ mặt đất
<b>Công ty liên kết</b>							
Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	Campuchia	-	49,00%	-	49,00%	49,00%	Kinh doanh vận tải hàng không
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	Việt Nam	42.835.200	32,05%	42.835.200	32,05%	32,05%	Cho thuê máy bay
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	Việt Nam	1.085.405	36,07%	1.085.405	36,07%	36,07%	Dịch vụ phục vụ hàng không
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (Airimex)	Việt Nam	32.600	41,31%	32.600	41,31%	41,31%	Dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu
Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không	Việt Nam	525.400	30,41%	525.400	30,41%	30,41%	Sản xuất sản phẩm nhựa

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty và các công ty con có 20.548 nhân viên (1/1/2016: 19.929 nhân viên).

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a- DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Quy định chế độ báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP được ban hành theo Quyết định số 1913/QĐ-TCTHK-TCKT ngày 18 tháng 12 năm 2015 (“Quyết định số 1913”) của Tổng Công ty và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Quyết định số 1913 được xây dựng dựa trên Quyết định số 2581/TCTHK-TCKT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Tổng Công ty đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 17011/BTC-CĐKT ngày 14 tháng 12 năm 2011. Chế độ báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP có một số khác biệt so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“VAS”) số 7 “Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết” và VAS 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con” ban hành theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 và hướng dẫn thực hiện tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Tổng Công ty thực hiện loại trừ theo nguyên tắc số nhỏ hơn đối với số dư các khoản công nợ phải thu và phải trả, cho vay và đi vay, các nghiệp vụ doanh thu và chi phí giữa Công ty mẹ với các công ty con trong trường hợp số liệu đối chiếu, xác nhận giữa Công ty mẹ với các công ty con không bằng nhau. Riêng trường hợp phát sinh giao dịch Công ty mẹ cung cấp dịch vụ vận chuyển cho công ty con thì khi điều chỉnh sẽ lấy theo số liệu báo cáo của công ty con; và
- Hàng tồn kho mua bán nội bộ được giả định là số tồn kho của kỳ trước đã được tiêu thụ hết trong kỳ này.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**(iii) Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)**

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tổng Công ty có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

Như đã được trình bày tại Thuyết minh số 2(a), Tổng Công ty thực hiện loại trừ theo nguyên tắc số nhỏ hơn đối với số dư các khoản công nợ phải thu và phải trả, cho vay và đi vay, các nghiệp vụ doanh thu và chi phí giữa Công ty mẹ với các công ty con trong trường hợp số liệu đối chiếu, xác nhận giữa Công ty mẹ với các công ty con không bằng nhau. Riêng trường hợp phát sinh giao dịch Công ty mẹ cung cấp dịch vụ vận chuyển cho công ty con thì khi điều chỉnh sẽ lấy theo số liệu báo cáo của công ty con. Bên cạnh đó, hàng tồn kho mua bán nội bộ đang được giả định là số tồn kho của kỳ trước đã được tiêu thụ hết trong kỳ này.

**(b) Ngoại tệ**

**(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân được niêm yết trên trang web điện tử [www.xe.com](http://www.xe.com) tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

**(ii) Hoạt động ở nước ngoài**

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác mà Tổng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty và công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào các đơn vị khác được trích lập dựa trên quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Giá trị vật tư, phụ tùng máy bay nhập kho được xác định dựa trên giá mua trên hóa đơn của nhà cung cấp cộng với toàn bộ chi phí liên quan đến nhập vật tư, phụ tùng (như thuế nhập khẩu, phí ủy thác, chi phí vận chuyển).

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Phương pháp tính giá hàng tồn kho:

- Đơn giá xuất kho đối với các loại vật tư, hàng hóa không phải là vật tư, phụ tùng máy bay được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.
- Đơn giá vật tư, phụ tùng máy bay xuất kho trong kỳ được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Giá trị vật tư, phụ tùng máy bay xuất kho sử dụng được đưa vào chi phí sản xuất kinh doanh theo nguyên tắc:

- Đối với vật tư, phụ tùng máy bay tiêu hao, xuất dùng một lần, không sửa chữa được, giá xuất kho bằng 100% giá trị của vật tư, phụ tùng và được phản ánh toàn bộ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.
- Đối với phụ tùng vật tư quay vòng có nguyên giá đơn vị từ 1.500 USD đến 50.000 USD khi xuất kho đưa vào sử dụng được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm kể từ khi xuất dùng lần đầu.
- Đối với phụ tùng vật tư quay vòng có nguyên giá đơn vị từ 50.000 USD trở lên khi xuất kho đưa vào sử dụng được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm kể từ khi xuất dùng lần đầu.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty và các công ty con được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty và các công ty con được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dịch vụ, thiết bị, phụ tùng thay thế nhận miễn phí (các hạn mức hỗ trợ) khi mua vật tư, hàng hóa và tài sản cố định được ghi nhận tăng thu nhập khác tại thời điểm thực nhận. Các dịch vụ, thiết bị, phụ tùng thay thế này không được nhận ngay tại thời điểm mua vật tư, hàng hóa và tài sản cố định mà nhận sau theo các điều kiện phụ thuộc vào tình trạng sẵn có của đối tác và nhu cầu sử dụng của Tổng Công ty và các công ty con. Ban Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng việc ghi nhận vào thu nhập khác đối với các khoản nhận miễn phí này là phù hợp với tình hình hoạt động của Tổng Công ty và các công ty con và cung cấp các thông tin hợp lý hơn cho người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất.

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Máy bay	12 – 20 năm
▪ Động cơ máy bay	10 năm
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ Máy móc, thiết bị	5 – 10 năm
▪ Phương tiện vận tải mặt đất	7 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5 năm
▪ Tài sản cố định khác	5 – 7 năm

**(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tổng Công ty và các công ty con đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g).

**(i) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận trong giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Tổng Công ty và các công ty con không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không thời hạn.



**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Phần mềm máy vi tính bao gồm phần mềm quản lý giá vận chuyển hành khách/hàng hóa, phần mềm phục vụ hàng hóa, và phần mềm kế toán. Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến bảy năm.

**(j) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí sửa chữa lớn động cơ và thân máy bay**

Chi phí sửa chữa lớn động cơ máy bay đã phát sinh được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh tính từ thời điểm đại tu, sửa chữa hoàn thành. Đối với động cơ máy bay thuê, chi phí chờ phân bổ là giá trị sửa chữa sau khi đã trừ phần thu hồi quỹ đại tu từ nhà cho thuê máy bay. Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa đối với thân máy bay, động cơ chính, động cơ phụ và cẳng máy bay cho mỗi lần có giá trị tương đương từ 300.000 USD trở lên sẽ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong ba (03) năm. Chi phí sửa chữa được ghi nhận vào chi phí trong kỳ nếu giá trị nhỏ hơn 300.000 USD.

**(ii) Phí bảo lãnh tín dụng xuất khẩu hợp đồng huy động vốn mua máy bay**

Phí bảo lãnh tín dụng xuất khẩu hợp đồng huy động vốn mua máy bay theo hình thức thuê tài chính và các chi phí khác liên quan đến hợp đồng huy động vốn được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo thời gian huy động vốn.

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm:

- Các tài sản Tổng Công ty và công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm;
- Các vật tư, phụ tùng quay vòng thực hiện phân bổ đều hàng năm (Thuyết minh số 3(f)).

**(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá trị ghi sổ.

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(n) Doanh thu chưa thực hiện từ chương trình khách hàng thường xuyên**

Tổng Công ty thực hiện chương trình Bông Sen Vàng cho các khách hàng thường xuyên, theo đó khách hàng sẽ được tích lũy điểm thưởng khi mua hàng hóa hoặc sử dụng dịch vụ của Tổng Công ty hay một số đối tác cụ thể của Tổng Công ty. Phần doanh thu tương ứng với số điểm tích lũy mà khách hàng dự kiến lấy thưởng được xác định theo giá trị hợp lý và ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận là doanh thu trong kỳ nếu khách hàng lấy thưởng hoặc điểm thưởng tích lũy hết hạn.

**(o) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(p) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ báo cáo bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(q) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu vận chuyển**

Các khoản thu bán chứng từ vận chuyển (bao gồm vé và các chứng từ vận chuyển khác) được ghi nhận là khoản phải trả người bán trên bảng cân đối kế toán. Giá trị khoản phải trả người bán này được kết chuyển vào doanh thu phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ vận chuyển được thực hiện.

**(iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iv) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(v) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(vi) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(s) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(t) Lãi trên cổ phiếu**

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

**(u) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là hàng không và các hoạt động phụ trợ.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Ban Giám đốc Tổng Công ty xác định Việt Nam là quốc gia duy nhất có phát sinh doanh thu trên 10% tổng doanh thu, và do đó là một bộ phận cần được báo cáo. Tài sản, các chi phí và nợ phải trả liên quan không được phân bổ do đặc thù hoạt động ngành hàng không của Tổng Công ty và các công ty con là tài sản hầu hết được đăng ký và quản lý tại Việt Nam nhưng hoạt động ở khắp các đường bay trên toàn thế giới.

**(v) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Hoạt động của Tổng Công ty và các công ty con chịu ảnh hưởng của những biến động mang tính thời vụ như nhu cầu đi lại trong các dịp nghỉ lễ mà hầu hết các dịp nghỉ lễ này diễn ra trong nửa đầu của năm. Do đó, doanh thu của Tổng Công ty và các công ty con trong nửa đầu của năm sẽ cao hơn trong nửa cuối năm.

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Xét đoán quan trọng mà Ban Giám đốc thực hiện đối với việc áp dụng các chính sách kế toán của Tổng Công ty và các công ty con không thay đổi kể từ khi lập báo cáo tài chính cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**6. Các khoản mục bất thường**

Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập chi phí phải trả lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái trị giá 1.038.538 triệu VND dựa trên những ước tính của Ban Giám đốc về sự suy giảm giá trị của Đồng Việt Nam so với các ngoại tệ đến cuối năm 2016.

**7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị**

Ngày 23 tháng 10 năm 2015, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã quyết định tách ba đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty là Xí nghiệp Thương mại Mặt đất Nội Bài, Xí nghiệp Thương mại Mặt đất Đà Nẵng, Xí nghiệp Thương mại Mặt đất Tân Sơn Nhất để thành lập công ty con mới là Công ty TNHH Một Thành viên dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam. Tổng Công ty đã tiến hành bàn giao vốn, tài sản, vật tư và các tài sản khác cho công ty con này từ ngày 1 tháng 1 năm 2016.

**8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	35.891.186.844	25.610.107.166
Tiền gửi ngân hàng	2.400.349.299.619	1.532.351.245.168
Tiền đang chuyển	111.545.807.901	112.482.344.085
Các khoản tương đương tiền	1.340.470.000.000	2.903.379.540.000
	<hr/>	<hr/>
	3.888.256.294.364	4.573.823.236.419

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Các khoản đầu tư tài chính	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	422.880.768.622	422.880.768.622	382.168.126.400	382.168.126.400
(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết				
Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	868.495.011.091	824.174.611.115	868.495.011.091	856.929.753.131
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	456.866.046.661	657.620.846.554	551.103.486.661	680.732.116.652
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	82.094.241.772	21.691.870.587	82.094.241.772	21.211.395.437
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (Airimex)	22.812.300.000	15.176.966.316	22.812.300.000	16.021.784.350
Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không	6.166.335.863	5.254.000.000	6.166.335.863	5.254.000.000
	1.436.433.935.387	1.523.918.294.572	1.530.671.375.387	1.580.149.049.570

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị ghi số VND	30/6/2016 Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi số VND	1/1/2016 Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>						
Công ty TNHH MTV Đầu tư Du lịch và Vận tải biển Phương Nam	185.050.002.264	-	185.050.002.264	185.050.002.264	-	185.050.002.264
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	90.901.080.000	(12.890.717.013)	78.010.362.987	90.901.080.000	(12.890.717.013)	78.010.362.987
Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam	52.000.000.000	(2.269.433.432)	49.730.566.568	52.000.000.000	(1.296.917.330)	50.703.082.670
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội bãi	30.000.000.000	-	30.720.294.761	30.000.000.000	-	30.720.294.761
Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận hàng không ALS	24.393.600.000	-	24.393.600.000	24.393.600.000	-	24.393.600.000
Công ty Liên doanh TNHH giao nhận hàng hóa Jupiter Pacific	9.147.283.620	-	9.147.283.620	9.147.283.620	-	9.147.283.620
Công ty Cổ phần Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (SPT)	6.161.138.309	-	6.161.138.309	6.161.138.309	-	6.161.138.309
Công ty Cổ phần In Hàng không	25.000.000.000	-	25.000.000.000	2.001.168.000	-	2.001.168.000
Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh Khác	1.255.869.466	-	1.255.869.466	-	-	-
	423.908.973.659	(15.160.150.445)	409.469.117.975	399.654.272.193	(14.187.634.343)	386.186.932.611

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 được xác định trên cơ sở:

- Giá đóng cửa trên thị trường chứng khoán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 đối với các công ty niêm yết.
- Giá trị vốn chủ sở hữu tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty và các công ty con đối với các công ty chưa niêm yết hoặc giá gốc khoản đầu tư trong trường hợp thông tin không sẵn có.

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của đầu tư góp vốn vào công ty liên kết trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND</b>
Số dư đầu kỳ	1.580.149.049.570
Phần lãi trong công ty liên kết phát sinh trong kỳ	49.092.138.120
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ các hoạt động ở nước ngoài (Thuyết minh 28)	(12.173.567.827)
Cổ tức được chia	(94.237.440.000)
Biến động khác	1.088.114.709
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	<u>1.523.918.294.572</u>

**10. Phải thu của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
Phải thu từ các đại lý bán sản phẩm vận chuyển hành khách	1.726.455.140.461	1.465.080.265.838
Phải thu từ các hãng hàng không khác	994.831.195.054	828.594.369.533
Phải thu cước vận chuyển hàng hóa	294.472.482.623	228.084.448.938
Phải thu cho thuê máy bay	20.698.956.911	236.915.224.656
Phải thu khách hàng khác	542.328.205.360	374.372.604.516
	<hr/>	<hr/>
	<u>3.578.785.980.409</u>	<u>3.133.046.913.481</u>

**(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán**

	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
Ngắn hạn	3.577.391.372.846	3.131.652.305.918
Dài hạn	1.394.607.563	1.394.607.563
	<hr/>	<hr/>
	<u>3.578.785.980.409</u>	<u>3.133.046.913.481</u>



**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hãng hàng không Cambodia Angkor Air	79.140.533.050	91.739.221.784
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (Airimex)	313.280.705	180.014.732
	<hr/>	<hr/>
	79.453.813.755	91.919.236.516
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

**11. Trả trước cho người bán**

**(a) Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trả trước tiền mua máy bay	4.849.914.644.800	5.826.952.670.840
Trả trước sửa chữa lớn chờ cần trừ với Quỹ đại tu	1.571.343.206.513	1.396.724.789.857
Trả trước tiền thuê máy bay	443.238.116.896	360.479.615.107
Trả trước khác	564.323.219.417	328.054.383.270
	<hr/>	<hr/>
	7.428.819.187.626	7.912.211.459.074
	<hr/>	<hr/>

**(b) Trả trước cho người bán dài hạn**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trả trước dài hạn tiền mua máy bay	6.928.451.500.870	4.706.455.189.310
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về cổ phần hóa	3.580.192.434	3.580.192.434
Phải thu lãi tiền gửi ngắn hạn	4.235.963.934	5.306.634.418
Tạm ứng	30.714.366.336	19.440.981.394
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	169.446.689.858	16.173.485.256
Tạm nộp thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng	803.647.039.301	883.343.051.712
Phải thu khác	370.418.939.718	274.435.214.201
	<hr/>	<hr/>
	1.382.043.191.581	1.202.279.559.415
	<hr/>	<hr/>

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đặt cọc thuê máy bay, động cơ máy bay	1.777.535.912.589	2.160.029.284.437
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ dài hạn khác	165.913.210.952	158.798.945.547
Phải thu dài hạn khác	7.086.592.728	10.308.617.193
	<hr/>	<hr/>
	1.950.535.716.269	2.329.136.847.177
	<hr/>	<hr/>

**(c) Phải thu khác từ bên liên quan**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần cho thuê Máy bay Việt Nam	423.149.767.205	426.469.704.854
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**13. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	30/6/2016			1/1/2016				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>								
Công ty Cổ phần Hàng Không Đông Dương Đại lý BSP Pháp (Consult)	Trên 60 tháng	34.498.436.023	(34.498.436.023)	-	Trên 60 tháng	34.498.436.023	(34.498.436.023)	-
Đại lý Global Flight	32 tháng 6 - 12 tháng	6.698.938.998	(6.698.938.998)	-	26 tháng 6 tháng	6.641.874.964	(6.641.874.964)	-
Các đối tượng khác	8 tháng - 20 năm	5.769.867.131	(5.769.867.131)	-	2 tháng - 19 năm	5.701.016.721	(5.701.016.721)	-
		44.657.758.562	(34.329.586.087)	10.328.172.475		43.982.895.601	(31.497.956.006)	12.484.939.595
		91.625.000.714	(81.296.828.239)	10.328.172.475		90.824.223.309	(78.339.283.714)	12.484.939.595
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(79.902.220.676)				(76.944.676.151)	
Dự phòng phải thu khó đòi – dài hạn			(1.394.607.563)				(1.394.607.563)	

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Hàng tồn kho**

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	27.919.582.278	-	27.296.572.599	-
Nguyên vật liệu	884.873.477.976	(73.169.698.588)	811.602.786.191	(73.169.698.588)
Công cụ và dụng cụ	185.312.691.531	-	179.668.758.908	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.001.818.235	-	5.850.649.354	-
Hàng hóa (*)	1.071.709.098.507	(19.478.395)	758.085.116.575	(19.478.395)
Hàng hóa kho bảo thuế	17.278.667.500	-	17.661.680.170	-
Hàng gửi đi bán	938.226.826	-	-	-
	<b>2.197.033.562.853</b>	<b>(73.189.176.983)</b>	<b>1.800.165.563.797</b>	<b>(73.189.176.983)</b>

(\*) Hàng hóa tồn kho chủ yếu là xăng dầu Jet A1 tại Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam (Công ty con của Tổng Công ty).

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có 84.733 triệu VND hàng tồn kho lỗi thời, chậm luân chuyển khó tiêu thụ được và được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện (1/1/2016: 84.733 triệu VND).

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Máy bay, động cơ máy bay VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải mặt đất VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	19.503.858.851.656	1.948.439.974.239	1.728.375.110.065	1.920.022.997.333	784.286.350.500	200.755.312.141	26.085.738.595.934
Tăng trong kỳ	342.025.293.920	3.396.728.687	18.271.340.001	29.296.941.973	44.184.268.463	22.414.066.762	459.588.639.806
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.431.634.229.358 (241.223.899.023)	4.956.769.397 (10.113.998.884)	14.067.822.965 (2.322.498.438)	18.554.914.236 (31.297.548.687)	- (11.494.578.410)	12.095.441.321 (8.360.097.001)	3.481.309.177.277 (296.452.523.442)
Phân loại lại	-	-	8.360.097.001	-	-	-	-
Điều chỉnh nguyên giá	-	(124.325.616)	-	-	-	-	(124.325.616)
Góp vốn bằng tài sản	-	(2.126.233.585)	(237.747.272)	(6.140.567.277)	-	-	(8.504.548.134)
Biến động khác	-	-	-	-	(64.485.992)	-	(64.485.992)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>23.036.294.475.911</b>	<b>1.944.428.914.238</b>	<b>1.766.514.124.322</b>	<b>1.930.436.737.578</b>	<b>816.911.554.561</b>	<b>226.904.723.223</b>	<b>29.721.490.529.833</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
Số dư đầu kỳ	8.595.972.390.222	739.692.943.498	1.018.925.829.132	1.289.281.138.394	517.036.067.229	115.625.392.728	12.276.533.761.203
Khấu hao trong kỳ	629.726.598.156 (241.223.899.023)	49.888.446.979 (7.368.238.404)	71.947.845.951 (2.322.498.348)	37.802.227.956 (31.297.548.687)	49.699.760.039 (11.411.803.910)	34.984.654.859	874.049.533.940 (293.623.988.372)
Thanh lý và xóa sổ	-	(1.165.250.430)	(226.081.371)	(6.140.567.277)	-	-	(7.531.899.078)
Góp vốn bằng tài sản	-	-	-	268.396.644	-	-	268.396.644
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>8.984.475.089.355</b>	<b>781.047.901.643</b>	<b>1.088.325.095.364</b>	<b>1.289.913.647.030</b>	<b>555.324.023.358</b>	<b>150.610.047.587</b>	<b>12.849.695.804.337</b>
<b>Giá trị còn lại</b>							
Số dư đầu kỳ	10.907.886.461.434	1.208.747.030.741	709.449.280.933	630.741.858.939	267.250.283.271	85.129.919.413	13.809.204.834.731
Số dư cuối kỳ	14.051.819.386.556	1.163.381.012.595	678.189.028.958	640.523.090.548	261.587.531.203	76.294.675.636	16.871.794.725.496

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 2.444.325 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 2.464.429 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 14.219.485 triệu VND (1/1/2016: 10.533.524 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con.

Trong kỳ chi phí vay được vốn hóa trong tài sản cố định hữu hình tương đương 40.805 triệu VND.

**16. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Máy bay và động cơ máy bay VND</b>	<b>Máy móc, thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	55.222.542.538.504	450.000.000	55.222.992.538.504
Tăng trong kỳ	6.499.503.337	-	6.499.503.337
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	15.665.148.475	-	15.665.148.475
Giảm do điều chỉnh nguyên giá máy bay	(39.064.015.162)	-	(39.064.015.162)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>55.205.643.175.154</b>	<b>450.000.000</b>	<b>55.206.093.175.154</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	13.891.348.352.344	43.750.002	13.891.392.102.346
Khấu hao trong kỳ	1.616.617.168.884	75.000.006	1.616.692.168.890
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>15.507.965.521.228</b>	<b>118.750.008</b>	<b>15.508.084.271.236</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	41.331.194.186.160	406.249.998	41.331.600.436.158
Số dư cuối kỳ	39.697.677.653.926	331.249.992	39.698.008.903.918

Tổng Công ty và các công ty con đang thuê tài chính 41 máy bay bao gồm các loại máy bay A321, B777, B787 và ATR72-500. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Tổng Công ty và các công ty con có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này theo điều kiện trong hợp đồng. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (Thuyết minh số 26(b)(ii)).

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tài sản cố định vô hình khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	122.216.602.031	431.164.292.725	1.206.868.767	554.587.763.523
Tăng trong kỳ	-	16.250.185.917	-	16.250.185.917
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	3.451.021.761	-	3.451.021.761
Số dư cuối kỳ	122.216.602.031	450.865.500.403	1.206.868.767	574.288.971.201
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	31.533.054.839	346.981.681.258	1.206.868.767	379.721.604.864
Khấu hao trong kỳ	48.841.950	35.940.824.292	-	35.989.666.242
Số dư cuối kỳ	31.581.896.789	382.922.505.550	1.206.868.767	415.711.271.106
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	90.683.547.192	84.182.611.467	-	174.866.158.659
Số dư cuối kỳ	90.634.705.242	67.942.994.853	-	158.577.700.095

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản với nguyên giá 130.151 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 116.654 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 các tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 25.200 triệu VND (1/1/2016: 25.200 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con.

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Kỳ 6 tháng kết thúc</b> <b>ngày 30/6/2016</b> <b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	549.443.472.298
Tăng trong kỳ	3.456.876.662.222
Lãi vay vốn hóa	80.145.355.800
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.481.309.177.277)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(3.451.021.761)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	(15.665.148.475)
Biến động khác	(2.085.298.470)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	583.954.844.337
	<hr/>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>30/6/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
Dự án 10 A350 ký năm 2007	214.564.294.531	176.376.409.365
Dự án nhà điều hành khối khai thác phía Nam	143.696.139.109	129.964.517.112
Dự án Retrofit 6 A321	-	82.371.394.550
Dự án 8 B787-9 ký năm 2008	72.651.711.347	69.680.130.263
Dự án đầu tư ULD 2015-2016	-	19.486.808.550
Dự án Hangar A75	8.209.501.985	8.184.265.234
Dự án “Cơ sở chế biến ăn HK Nội Bài”	11.287.554.877	3.428.026.499
Dự án A41	78.091.515.075	-
Các dự án khác	55.454.127.413	59.951.920.725
	<hr/>	<hr/>
	583.954.844.337	549.443.472.298
	<hr/>	<hr/>

Trong kỳ, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang tương đương 80.145 triệu VND.



**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**19. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hoa hồng thu bán chứng từ vận chuyển (*)	68.742.215.102	87.678.036.439
Chi phí bảo hiểm	94.385.839.956	520.599.033
Chi phí thuê máy bay và động cơ máy bay	49.801.051.355	49.801.051.355
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	60.308.130.490	52.355.109.924
	<hr/>	<hr/>
	273.237.236.903	190.354.796.751

(\*) Đây là khoản hoa hồng của các chứng từ vận chuyển đã bán nhưng dịch vụ vận chuyển chưa được thực hiện. Khoản trả trước này sẽ được hạch toán vào chi phí khi dịch vụ vận chuyển được thực hiện hoặc khi các chứng từ vận chuyển đã hết hạn.

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Chi phí trả trước dài hạn	Chi phí sửa chữa lớn động cơ	Chi phí sửa chữa lớn thân máy bay	Phí bảo lãnh tín dụng xuất khẩu vay mua máy bay	Chi phí phụ tùng máy bay, công cụ dụng cụ quay vòng	Chi phí trả trước dài hạn khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.633.917.493.489	32.547.002.759	2.291.785.728.609	550.520.580.885	200.976.228.213	4.709.747.033.955
Tăng trong kỳ	1.159.663.271.853	-	8.449.082.555	309.123.125.433	68.168.656.770	1.545.404.136.611
Phân bổ trong kỳ	(930.059.989.372)	(6.112.893.350)	(137.524.875.843)	(154.502.911.499)	(68.004.216.495)	(1.296.204.886.559)
Số dư cuối kỳ	1.863.520.775.970	26.434.109.409	2.162.709.935.321	705.140.794.819	201.140.668.488	4.958.946.284.007

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	<b>Thuế suất</b>	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:</b>			
Tài sản cố định	20%	1.046.810.326	1.391.244.216
Các khoản khác	20%	2.299.855.364	2.878.477.804
<b>Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		<b>3.346.665.690</b>	<b>4.269.722.020</b>
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:</b>			
Dự phòng	20%	(38.551.135.931)	(7.082.476.021)
Các khoản khác	20%	(3.600.000.000)	-
<b>Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>		<b>(42.151.135.931)</b>	<b>(7.082.476.021)</b>
		<b>(38.804.470.241)</b>	<b>(2.812.754.001)</b>
<b>Phân loại trên bảng cân đối kế toán</b>			
Tài sản dài hạn khác		3.346.665.690	4.269.722.020
Nợ phải trả dài hạn		(42.151.135.931)	(7.082.476.021)
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần</b>		<b>(38.804.470.241)</b>	<b>(2.812.754.001)</b>

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán bao gồm:**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Phải trả thu bán chứng từ vận chuyển hành khách, hành lý, MCO (i)	5.513.796.521.680	6.149.520.821.459
Phải trả người bán	3.320.658.980.644	2.051.278.764.272
Phải trả thu bán thuế trên giá vé (ii)	984.396.847.239	931.659.567.475
Phải trả thu bán khác và phải trả Interlines	57.010.338.753	26.567.047.184
Phải trả thu bán chứng từ vận chuyển hàng hóa	22.773.966.378	8.992.883.099
	9.898.636.654.694	9.168.019.083.489

- (i) Phải trả thu bán chứng từ vận chuyển hành khách, hành lý, MCO phản ánh giá trị khách hàng đã mua dịch vụ từ các đại lý nhưng chưa sử dụng tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán.
- (ii) Phải trả thu bán thuế trên giá vé phản ánh giá trị Tổng Công ty và các công ty con phải trả cơ quan thuế hoặc nhà quản lý sân bay, bao gồm các loại thuế phát sinh khi bán vé cho hành khách và các loại thuế sẽ phát sinh nghĩa vụ phải trả khi thực hiện dịch vụ vận chuyển.

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	28.550.839.894	48.676.016.650
Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không	195.200.110	-
	28.746.040.004	48.676.016.650

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**22. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

	1/1/2016		30/6/2016	
	Phải thu VND	Phải trả VND	Số phải nộp sau khi bù trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND
			Phải thu VND	Phải trả VND
<b>Thuế</b>				
Thuế giá trị gia tăng	27.211.225.040	81.627.674.230	720.428.469.406	6.926.412.763
Thuế xuất nhập khẩu	38.395.258.877	-	183.277.373.137	6.505.318.534
Thuế thu nhập doanh nghiệp	59.779.645.380	96.303.204.635	191.404.051.573	61.411.661.611
Thuế thu nhập cá nhân	730.672.456	26.391.737.197	516.650.662.822	558.819.207
Thuế tài nguyên	-	-	24.976.800	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	7.151.517.525	25.143.010.028	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	148.832.573.000	1.034.465.638.000	-
Thuế nhà thầu	-	23.776.861.688	48.240.247.671	-
Các loại thuế khác	-	348.274.193	244.422.300	-
<b>Các khoản phải nộp khác</b>				
Phí, lệ phí	15.146.200	1.077.755	95.619.702	15.146.200
	126.131.947.953	384.432.920.223	2.719.974.471.439	75.417.358.315
				513.546.206.848

Theo biên bản thanh tra thuế ngày 28 tháng 4 năm 2011 do Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh ban hành, Công ty Cổ phần Hàng không Jetstar Pacific Airlines (“JPA”), một công ty con của Tổng Công ty, phải thanh toán cho Ngân sách Nhà nước số tiền nợ thuế tăng thêm cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2004 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 là 303 tỷ VND, trong đó nợ thuế và tiền phạt thuế lần lượt là 186 tỷ VND và 117 tỷ VND.

Căn cứ vào Điều 6.1.c của Hợp đồng Đầu tư và Chuyển nhượng Cổ phần ngày 26 tháng 4 năm 2007 giữa Qantas Airways Limited, Qantas Asia Investment Company (Singapore) Pte., Ltd. và Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (“SCIC”), SCIC đồng ý hoàn trả lại cho JPA bất kỳ khoản nợ phải trả nào chưa được ghi nhận bao gồm nợ thuế tích dồn hoặc đã được JPA báo cáo ngày 31 tháng 7 năm 2007.

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Từ tháng 8 năm 2012 đến tháng 2 năm 2013, JPA đã thanh toán một phần khoản nợ thuế này là 63.522.344.280 VND, đây là khoản tiền nợ thuế liên quan tới giai đoạn sau khi Qantas Asia Investment Company (Singapore) Pte., Ltd. đầu tư vào JPA (sau ngày 31 tháng 7 năm 2007).

Theo Công văn số 3106/TCT-QLN do Tổng cục Thuế ban hành ngày 29 tháng 8 năm 2012, JPA được phép hoãn thanh toán khoản phạt thuế cho đến khi có các hướng dẫn khác. Ngày 4 tháng 2 năm 2013, Bộ Tài chính gửi Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh công văn số 1894/BTC-TCT. Theo đó, Bộ Tài chính đề nghị Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh tạm dừng việc cưỡng chế đối với khoản nợ thuế 127,8 tỷ VND trước ngày 31 tháng 7 năm 2007 của JPA cho đến khi có hướng dẫn mới.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015, các khoản nợ thuế và phạt thuế còn lại lần lượt là 127,8 tỷ VND và 117 tỷ VND chưa được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất.

**23. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí phục vụ chuyến bay	833.074.563.853	825.521.462.165
Chi phí nhiên liệu	286.607.525.565	294.790.544.548
Trích trước chi phí chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	1.038.537.517.105	-
Chi phí thuê, sửa chữa máy bay	1.040.496.990.773	572.336.614.538
Chi phí lãi vay	185.759.093.032	175.121.398.506
Các khoản trích trước khác	1.143.030.091.769	678.915.911.587
	<hr/>	<hr/>
	4.527.505.782.097	2.546.685.931.344
	<hr/>	<hr/>

**24. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu nhận trước	6.677.701.486	5.740.256.916
Doanh thu chưa thực hiện từ chương trình khách hàng truyền thống	390.207.283.974	-
	<hr/>	<hr/>
	396.884.985.460	5.740.256.916
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Phải trả khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	8.488.387.460	3.013.960.508
Bảo hiểm xã hội	19.392.763.995	815.393.987
Bảo hiểm y tế	3.986.177.834	252.741.344
Bảo hiểm thất nghiệp	859.578.948	56.086.466
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	57.820.741.445	14.718.829.421
Phải trả về cổ phần hóa	3.650.793	1.883.683
Phải trả phụ tùng, vật tư	381.488.432.901	101.342.332.653
Các khoản phải trả, phải nộp khác	239.536.724.319	236.697.545.904
	<hr/>	<hr/>
	711.576.457.695	356.898.773.966
	<hr/>	<hr/>

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhận quỹ đại tu và đặt cọc tiền thuê máy bay	924.816.828.746	651.569.610.889
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	80.888.671.092	161.267.319.338
Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	-	1.458.677.659
	<hr/>	<hr/>
	1.005.705.499.838	814.295.607.886
	<hr/>	<hr/>

(\*) Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn chủ yếu phản ánh khoản nhận đặt cọc từ các đối tác để làm đại lý bán chứng từ vận chuyển cho Tổng Công ty.

**(c) Phải trả khác cho các bên liên quan**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	584.333.821.579	498.424.363.254
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả công ty liên quan là tiền đặt cọc thuê máy bay và phải hoàn trả khi hết thời hạn thuê.

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Vay và nợ thuế tài chính	1/1/2016		Biến động trong kỳ		30/6/2016
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	
(a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn					
Vay ngắn hạn	4.567.675.413.227	10.450.398.824.923	(9.657.446.014.293)	5.360.628.223.857	
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 26(b)(i))	4.516.541.942.313	1.835.017.567.642	(2.353.762.085.840)	3.997.797.424.115	
Nợ gốc thuế tài chính đến hạn trả (Thuyết minh 26(b)(ii))	4.667.130.455.130	2.326.075.138.573	(2.682.966.543.658)	4.310.239.050.045	
	13.751.347.810.670	14.611.491.531.138	(14.694.174.643.791)	13.668.664.698.017	



**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	USD	1,2%-1,4%	1.934.869.200.747	1.572.199.353.570
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	5-7%	47.884.315.385	28.855.460.940
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	USD	1,2%-1,4%	2.040.801.772.075	1.568.918.881.884
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	5%-7%	-	13.118.824.380
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	USD	1,2%-1,4%	326.869.104.219	537.247.480.851
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	USD	1,20%	62.215.343.572	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	USD	1,40%	-	237.327.801.950
Ngân hàng TMCP Quân đội	USD	1%-1,4%	545.730.253.245	167.075.153.643
Ngân hàng Citibank Việt Nam	USD	1,30%	115.192.645.277	-
Ngân hàng TNHH MTV HSBC	USD	1%-1,4%	109.837.610.244	154.257.214.635
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	USD	1,2%-1,4%	117.159.922.362	131.075.241.374
Ngân hàng Standard Chartered – Trung tâm Tài chính Quốc tế Dubai	USD	1,2%-1,4%	-	67.560.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIBBank)	USD	1,2%	40.129.738.758	45.080.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	VND	5%-7%	19.938.317.973	-
Ngân hàng Bangkok Bank	USD	1,35%	-	44.960.000.000
			<b>5.360.628.223.857</b>	<b>4.567.675.413.227</b>

**(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
Vay dài hạn (i)	21.042.464.048.007	20.688.758.641.373
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	33.958.905.440.906	36.977.770.661.214
	<b>55.001.369.488.913</b>	<b>57.666.529.302.587</b>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	<b>(8.308.036.474.160)</b>	<b>(9.183.672.397.443)</b>
	<b>46.693.333.014.753</b>	<b>48.482.856.905.144</b>

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	VND	8,6%	2021-2024	289.178.316.053	298.306.452.217
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	USD	2%-3,92%	2028	9.891.237.474.056	9.218.230.036.583
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	USD	3,86%-4,94%	2024	1.394.250.174.047	2.285.326.873.288
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (*)	VND	9%	2018-2020	74.648.543.000	92.117.585.000
Ngân hàng Cathay United (Đài Loan)	USD	4,89%	2023	1.785.512.135.051	1.932.774.869.848
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (*)	USD	3,36%-4,16%	2020	1.073.575.159.338	1.101.679.180.430
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (*)	USD	3,4%	2024	1.154.062.360.830	1.231.535.513.460
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (*)	VND	8,65%	2024	101.000.867.417	101.000.867.417
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (*)	USD	3,42%-4,98%	2024	908.953.156.354	982.348.196.961
Ngân hàng TMCP Quân đội	USD	3,09%-3,58%	2016-2025	1.671.764.657.100	1.716.885.729.600
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	USD	1,8%-3,65%	2028	1.679.586.223.642	593.451.459.125
Ngân hàng TNHH Indovina	USD	4,95%-4,98%	2022	355.416.874.093	385.759.655.870
Ngân hàng TMCP Đại Dương (*)	USD	3,97%	2018	164.012.541.131	203.281.604.038
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (*)	VND	10%	2016-2022	86.523.470.000	109.900.426.000
Ngân hàng Credit Agricole	USD	2,09%-2,45%	2020	119.056.450.760	134.037.324.836
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (*)	VND	7%-9,65%	2019-2023	120.433.428.070	113.825.904.544
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	USD	9,2%	2016	3.674.930.000	7.415.660.000
Ngân hàng Cathay United – Chi nhánh Chu Lai (*)	USD	5%	2019	69.065.839.031	81.208.999.775
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	EUR	1%-3,03%	2020	18.220.615.821	23.986.513.501
Ngân hàng TMCP Bản Việt	VND	8,65%	2019	30.450.000.000	34.800.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	VND	8%	2020	50.505.784.207	36.844.786.345
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	USD	6%	2016	1.335.048.006	4.041.002.535
				21.042.464.048.007	20.688.758.641.373
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(3.997.797.424.115)	(4.516.541.942.313)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				17.044.666.623.892	16.172.216.699.060

(\*) Các khoản vay các ngân hàng này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay có giá trị ghi sổ là 14.244.685 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (1/1/2016: 10.558.724 triệu VND) (Thuyết minh 15 và 17). Các khoản vay còn lại được bảo lãnh của Bộ Tài chính hoặc tín chấp.

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Các khoản nợ thuê tài chính**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng Citibank	12.424.327.930.905	13.524.965.844.689
Ngân hàng Credit Agricole	4.189.868.622.440	4.764.873.206.038
Ngân hàng JP Morgan Chase	2.555.699.874.148	2.715.469.949.743
Ngân hàng HSBC	2.657.506.870.706	3.205.243.269.406
Tập đoàn ING	12.131.269.355.438	12.766.875.117.703
Công ty TNHH Viettel - CHT	232.787.269	343.273.635
	<b>33.958.905.440.906</b>	<b>36.977.770.661.214</b>

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

**Ngày 30 tháng 6 năm 2016**

	<b>Tổng khoản</b>	<b>Tiền lãi thuê</b>	<b>Nợ gốc</b>
	<b>thanh toán tiền</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
	<b>thuê tài chính</b>		
	<b>VND</b>		
Trong vòng một năm	4.923.088.440.736	612.849.390.691	4.310.239.050.045
Trong vòng 2 đến 5 năm	17.303.443.229.098	1.470.792.327.762	15.832.650.901.336
Sau 5 năm	14.304.541.837.350	488.526.347.825	13.816.015.489.525
	<b>36.531.073.507.184</b>	<b>2.572.168.066.278</b>	<b>33.958.905.440.906</b>

**Ngày 1 tháng 1 năm 2016**

	<b>Tổng khoản</b>	<b>Tiền lãi thuê</b>	<b>Nợ gốc</b>
	<b>thanh toán tiền</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
	<b>thuê tài chính</b>		
	<b>VND</b>		
Trong vòng một năm	5.267.848.136.069	600.717.680.939	4.667.130.455.130
Trong vòng 2 đến 5 năm	18.234.323.699.842	1.427.869.143.485	16.806.454.556.357
Sau 5 năm	15.990.235.809.533	486.050.159.806	15.504.185.649.727
	<b>39.492.407.645.444</b>	<b>2.514.636.984.230</b>	<b>36.977.770.661.214</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ có số dư xấp xỉ 1.522 triệu USD (1/1/2016: 1.645 triệu USD).

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**27. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự phòng phải trả cho Tổng Công ty Xăng dầu Quân đội (*)	40.339.407.446	40.339.407.446
Dự phòng phải trả khác	2.356.547.167	-
	<hr/>	<hr/>
	42.695.954.613	40.339.407.446

(\*) Ngày 16 tháng 10 năm 2008, Kho Xăng dầu Hàng không Liên Chiểu tại Thành phố Đà Nẵng của Xí nghiệp Xăng dầu Hàng không Miền Trung (đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam (SKYPEC) – Công ty con của Tổng Công ty) bị sạt lở gây ra thiệt hại về tài sản cho Tổng Công ty và Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Xăng dầu Quân đội (đơn vị gửi hàng tại kho Xăng dầu Hàng không Liên Chiểu).

Căn cứ vào Bản án số 151/2010/KDTM-ST ngày 6 tháng 12 năm 2010 và Bản án số 05/2014/KDTM-ST ngày 27 tháng 2 năm 2014 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải trả cho Tổng Công ty Xăng dầu Quân đội số tiền tương ứng với phần hàng hóa của Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Xăng dầu Quân đội gửi tại kho Xăng dầu Hàng không Liên Chiểu của Tổng Công ty là 40.339.407.446 VND và ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của kỳ 9 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quy đầu tư phát triển VND	Quy hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp VND	Quy khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 4 năm 2015</b>	11.198.648.400.000	36.493.938.542	130.891.475.363	(1.153.004.222.954)	109.001.410.953	135.674.049.050	1.068.628.929.237	2.289.691.821	(56.550.752.420)	11.472.072.919.592
Tăng vốn trong kỳ	-	-	29.551.644.570	-	-	(29.551.644.570)	-	-	-	-
Chỉ trả lợi nhuận sau thuế theo hợp đồng liên doanh liên kết A41	-	-	-	-	-	-	-	-	(7.549.348.762)	(7.549.348.762)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	306.316.559.618	306.316.559.618
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	5.494.994.483	-	-	(5.494.994.483)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	(89.337.233.761)	(89.337.233.761)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(6.275.595.481)	-	(265.392.960)	6.540.988.441	-
Thanh lý công ty con	-	-	(2.254.162.363)	-	-	(1.699.752.274)	-	-	(637.995.873)	(4.591.910.510)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ (Thuyết minh số 3(b)) và giám khác	-	-	-	-	81.741.775.980	121.209	-	-	(88.007.843.138)	(6.265.945.949)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>	11.198.648.400.000	36.493.938.542	158.188.957.570	(1.153.004.222.954)	190.743.186.933	103.642.172.417	1.068.628.929.237	2.024.298.861	65.279.379.622	11.670.645.040.228

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Chênh lệch tỷ giá hối đối VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	11.198.648.400.000	36.493.938.542	158.188.957.570	(1.153.004.222.954)	190.743.186.933	103.642.172.417	1.068.628.929.237	2.024.298.861	65.279.379.622	11.670.645.040.228
Tăng vốn trong kỳ	-	-	83.923.395.425	-	-	(82.192.149.269)	-	-	(684.540.760)	1.046.705.396
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	1.682.109.588.128	1.682.109.588.128
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	(43.489.218.003)	(43.489.218.003)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ (Thuyết minh 3(b))	-	-	-	-	(12.173.567.827)	-	-	-	-	(12.173.567.827)
Biến động khác	-	-	-	-	457.390.054	(2.860.457)	-	-	(21.180.895.011)	(20.726.365.414)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>	11.198.648.400.000	36.493.938.542	242.112.352.995	(1.153.004.222.954)	179.027.009.160	21.447.162.691	1.068.628.929.237	2.024.298.861	1.682.034.313.976	13.277.412.182.508

Biến động lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày tại Thuyết minh số 30. Thuyết minh số 30 cần được đọc cùng với thuyết minh này để có đầy đủ thông tin về biến động vốn chủ sở hữu.

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	<b>1/1/2016 và 30/6/2016</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	1.119.864.840	11.198.648.400.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b> Cổ phiếu phổ thông	1.119.864.840	11.198.648.400.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	1.119.864.840	11.198.648.400.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi ngày 2 tháng 6 năm 2016, tổng vốn cổ phần của Tổng Công ty là 11.198.648.400.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, vốn cổ phần đã được cổ đông góp đủ, chi tiết như sau:

	<b>Số lượng cổ phần</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>	<b>Số vốn góp tại ngày 30/6/2016 VND</b>
Cổ đông Nhà nước	1.057.638.000	94,44	10.576.380.000.000
Các cổ đông khác	62.226.840	5,56	622.268.400.000
	1.119.864.840	100,00	11.198.648.400.000

**30. Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

	<b>Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	471.746.481.072
Tăng vốn trong kỳ	24.511.846.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	124.429.926.351
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	(9.557.676.315)
Cổ tức	(170.298.732.429)
Biến động khác	16.534.523.139
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>	<b>457.366.367.818</b>

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng 1 năm	7.522.905.851.446	25.577.411.733.408
Trong vòng 2 đến 5 năm	24.435.831.169.310	90.431.142.061.683
Sau 5 năm	53.571.934.153.829	66.571.752.765.825
	<hr/>	<hr/>
	85.530.671.174.585	182.580.306.560.916
	<hr/>	<hr/>

Các khoản thuê ngoài là các khoản thuê máy bay và động cơ bao gồm: máy bay: A320 - 10 chiếc thuê khô và 2 chiếc thuê ướt, A321 - 17 chiếc thuê khô và 1 chiếc thuê ướt; máy bay B777 - 2 chiếc thuê khô; máy bay A330 - 8 chiếc thuê khô; máy bay ATR72 - 5 chiếc thuê khô; máy bay B787 - 2 chiếc thuê khô; máy bay A350 - 4 chiếc thuê khô; động cơ thuê dài hạn - 6 chiếc gồm GE90056 (B777), P733692 (A330), P735095 (A330), ESN-V16989 (A321), ESN-V17037 (A321) và ESN-V17365 (A321); động cơ thuê ngắn hạn - 2 chiếc: A350-Trent và A321-V2500.

**(b) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công	124.755.392.929	154.792.819.040
	<hr/>	<hr/>



**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Ngoại tệ các loại**

	30/6/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Úc (AUD)	1.060.617	17.598.821.034	794.983	13.033.742.350
Đô la Canada (CAD)	128.516	2.213.945.132	231.925	3.759.280.105
Đô la Hồng Kong (KHD)	3.619.621	10.406.410.375	1.646.727	4.775.509.460
Yên Nhật (JPY)	495.001.331	107.415.288.827	236.718.347	44.029.612.542
Won Hàn Quốc (KRW)	3.707.939.611	72.749.775.168	3.992.284.682	75.853.408.958
Ringit Malaysia (MYR)	4.319.242	23.967.473.858	2.379.688	12.452.908.298
Rúp Nga (RUB)	21.076.638	7.440.053.214	47.762.714	14.663.153.106
Đô la Singapore (SGD)	3.049.448	50.419.573.232	1.626.228	25.839.132.402
Bạt Thái Lan (THB)	7.167.938	4.544.472.755	8.730.642	5.439.190.172
Đô la Đài Loan (TWD)	6.249.133	4.318.150.903	14.766.153	10.085.282.499
Đô la Mỹ (USD)	23.169.930	519.198.042.615	14.974.124	336.618.303.460
Peso Philippine (PHP)	-	-	2.601.844	1.259.292.646
Nhân dân tệ Trung Quốc (CNY)	44.854.913	150.622.797.854	18.867.284	65.280.801.325
Kíp Lào (LAK)	4.047.612	12.142.836	294.000	882.000
Bảng Anh (GBP)	610.320	18.244.295.760	693.143	23.096.894.718
Euro (EUR)	4.666.848	115.698.265.980	2.573.568	63.204.267.663
Rupiah Indonesia (IDR)	890.085.399	1.504.244.324	6.479.821.777	12.959.643.554
		1.106.353.753.867		712.351.305.258

**(d) Nợ khó đòi đã xử lý**

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	86.642.481.242	86.642.481.242

**(e) Cam kết chi tiêu vốn**

Tháng 11 năm 2007, Tổng Công ty ký hợp đồng mua 4 máy bay B787-8 với hãng Boeing. Tháng 10 năm 2010, Tổng Công ty đã ký phụ lục điều chỉnh 4 máy bay B787-8 trên thành 4 máy bay B787-9 và mua bổ sung 4 máy bay B787-9. Tổng dự toán của 8 máy bay B787-9 là 1.530,5 triệu USD. Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, còn 3 máy bay của hợp đồng này chưa được Tổng Công ty nhận về.

Tháng 12 năm 2007, Tổng Công ty ký hợp đồng mua 10 máy bay A350-900XWB với Hãng Airbus S.A.S. với tổng mức đầu tư là 1.806,5 triệu USD. Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, toàn bộ số máy bay của hợp đồng này chưa được nhận về.

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>Kỳ 6 tháng kết thúc</b> <b>ngày 30/6/2016</b> <b>VND</b>	<b>Kỳ 3 tháng kết thúc</b> <b>ngày 30/6/2015</b> <b>VND</b> <b>Chưa soát xét</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	2.581.089.397.372	1.385.144.539.406
▪ Vận tải hàng không (*)	29.472.639.052.225	13.152.775.826.831
▪ Hoạt động phụ trợ vận tải	2.521.832.190.742	1.036.040.743.122
▪ Khác	375.342.396.597	212.531.972.145
	<b>34.950.903.036.936</b>	<b>15.786.493.081.504</b>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(204.512.249.499)	(93.807.862.917)
▪ Hàng bán bị trả lại	-	(148.267.152)
	<b>34.746.390.787.437</b>	<b>15.692.536.951.435</b>

(\*) Doanh thu vận tải hàng không trong kỳ bao gồm khoảng 454 tỷ VND là giá trị toàn bộ vé (bao gồm vé thông thường, MCO, hành lý và YQ) bán trong kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và đã hết hạn tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 và vé có điều kiện hạn chế bán trong kỳ hoạt động nhưng không sử dụng.

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Kỳ 6 tháng kết thúc</b> <b>ngày 30/6/2016</b> <b>VND</b>	<b>Kỳ 3 tháng kết thúc</b> <b>ngày 30/6/2015</b> <b>VND</b> <b>Chưa soát xét</b>
Lãi chênh lệch tỷ giá	410.867.846.146	211.052.049.988
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.949.790.000	108.018.838.343
Lãi tiền gửi ngân hàng	46.354.237.324	23.843.456.697
Lãi do chuyển nhượng vốn góp	914.132.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.256.100.190	1.463.875.205
	<b>471.342.105.660</b>	<b>344.378.220.233</b>

**34. Chi phí tài chính**

	<b>Kỳ 6 tháng kết thúc</b> <b>ngày 30/6/2016</b> <b>VND</b>	<b>Kỳ 3 tháng kết thúc</b> <b>ngày 30/6/2015</b> <b>VND</b> <b>Chưa soát xét</b>
Chi phí lãi vay	661.509.017.184	281.659.575.205
Chi phí liên quan đến hợp đồng vay dài hạn, vay thuê tài chính	156.512.227.452	39.051.221.435
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.033.604.506.868	571.607.329.735
Chi phí tài chính khác	2.077.423.005	865.460.953
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	(106.721.083)
	<b>1.853.703.174.509</b>	<b>893.076.866.245</b>

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Chi phí bán hàng**

	<b>Kỳ 6 tháng kết thúc</b> <b>ngày 30/6/2016</b> <b>VND</b>	<b>Kỳ 3 tháng kết thúc</b> <b>ngày 30/6/2015</b> <b>VND</b> <b>Chưa soát xét</b>
Chi phí cho nhân viên	339.955.313.898	93.451.399.331
Chi phí hoa hồng	330.778.539.149	138.602.687.780
Chi phí đặt vé giữ chỗ	611.134.556.433	301.787.771.400
Chi phí bán hàng khác	1.050.930.465.113	335.572.098.716
	<b>2.332.798.874.593</b>	<b>869.413.957.227</b>

**36. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Kỳ 6 tháng kết thúc</b> <b>ngày 30/6/2016</b> <b>VND</b>	<b>Kỳ 3 tháng kết thúc</b> <b>ngày 30/6/2015</b> <b>VND</b> <b>Chưa soát xét</b>
Chi phí cho nhân viên	379.295.828.221	132.367.524.085
Chi phí thuế	180.396.153.222	65.569.215.871
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	351.616.739.533	140.267.229.997
	<b>911.308.720.976</b>	<b>338.203.969.953</b>

**37. Thu nhập khác**

	<b>Kỳ 6 tháng kết thúc</b> <b>ngày 30/6/2016</b> <b>VND</b>	<b>Kỳ 3 tháng kết thúc</b> <b>ngày 30/6/2015</b> <b>VND</b> <b>Chưa soát xét</b>
Lãi do thanh lý tài sản cố định	149.953.745.572	9.120.032.399
Tiền phạt thu được từ các đơn vị khác	36.747.656.441	4.645.564.671
Thu từ bồi thường bảo hiểm	34.272.000.000	-
Thu hỗ trợ tín dụng máy bay và động cơ	473.393.713.902	57.776.190.938
Các khoản khác	100.750.975.179	52.805.998.494
	<b>795.118.091.094</b>	<b>124.347.786.502</b>

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**38. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Kỳ 6 tháng kết thúc</b> <b>ngày 30/6/2016</b> <b>VND</b>	<b>Kỳ 3 tháng kết thúc</b> <b>ngày 30/6/2015</b> <b>VND</b> <b>Chưa soát xét</b>
Chi phí nguyên vật liệu	7.533.475.241.991	5.181.675.874.089
Chi phí nhân công	3.980.377.663.986	1.429.971.569.987
Chi phí khấu hao	2.526.731.369.072	977.853.706.094
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.585.077.889.675	5.889.555.418.167
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí sửa chữa lớn động cơ máy bay	2.073.960.460.322	457.997.282.758
- Chi phí sửa chữa thường xuyên động cơ máy bay	703.303.850.791	233.963.701.736
- Chi phí thuê máy bay	4.898.030.169.889	2.223.944.536.066
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	7.909.783.408.673	2.973.649.897.607
Chi phí khác	573.206.629.444	456.257.355.820

**39. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>Kỳ 6 tháng kết thúc</b> <b>ngày 30/6/2016</b> <b>VND</b>	<b>Kỳ 3 tháng kết thúc</b> <b>ngày 30/6/2015</b> <b>VND</b> <b>Chưa soát xét</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	187.855.968.665	76.975.090.196
Dự phòng thiếu trong những năm trước	3.548.082.908	-
	<b>191.404.051.573</b>	<b>76.975.090.196</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	35.585.503.646	4.791.376.370
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	(516.843.736)	-
Ghi giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	923.056.330	5.796.827
	<b>35.991.716.240</b>	<b>4.797.173.197</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập</b>	<b>227.395.767.813</b>	<b>81.772.263.393</b>

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>Kỳ 6 tháng kết thúc</b> <b>ngày 30/6/2016</b> <b>VND</b>	<b>Kỳ 3 tháng kết thúc</b> <b>ngày 30/6/2015</b> <b>VND</b> <b>Chưa soát xét</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	2.033.935.282.292	201.010.393.346
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Chênh lệch tỷ giá kỳ trước thực hiện trong kỳ này	500.388.418.845	(363.226.161.887)
Chi phí không được khấu trừ	9.217.726.244	1.372.764.182
Thu nhập không chịu thuế	(13.490.366.075)	(108.286.000.467)
Chênh lệch tỷ giá kỳ này chưa thực hiện	(356.862.808.347)	113.946.338.229
Thu nhập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	(18.782.555.245)	-
(Thu nhập)/lỗ từ đầu tư vào các công ty liên kết	(49.092.138.120)	93.237.775.287
Ảnh hưởng của bút toán hợp nhất	(188.702.511.464)	(66.224.320.538)
Điều chỉnh khác	(13.486.186.220)	-
Lỗ tính thuế được sử dụng kỳ này	(1.141.747.620.958)	(17.486.111.951)
Lỗ tính thuế chưa được sử dụng kỳ này	159.120.047.130	495.542.097.417
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>920.497.288.082</b>	<b>349.886.773.618</b>
Thuế suất	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	184.099.457.616	76.975.090.196
Biến động tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ	35.991.716.240	4.797.173.197
Chi phí thuế hợp đồng hợp tác kinh doanh	3.756.511.049	-
Dự phòng thiếu của các năm trước	3.548.082.908	-
	<b>227.395.767.813</b>	<b>81.772.263.393</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 (năm 2015: 22%).

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**40. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>Kỳ 6 tháng kết thúc</b> <b>ngày 30/6/2016</b> <b>VND</b>	<b>Kỳ 3 tháng kết thúc</b> <b>ngày 30/6/2015</b> <b>VND</b> <b>Chưa soát xét</b>
Lợi nhuận thuần trong kỳ	1.682.109.588.128	16.280.671.722
Số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
<b>Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông</b>	<b>1.682.109.588.128</b>	<b>16.280.671.722</b>

(\*) Tổng Công ty và các công ty con chưa thể ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận thuần được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016. Nếu Tổng Công ty và các công ty con trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 1.119.864.840 cổ phiếu (kỳ ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 1.119.864.840 cổ phiếu).

**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**41. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND Chưa soát xét
<b>Cổ tức, lợi nhuận nhận được trong kỳ</b>		
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	-	94.237.440.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	8.683.240.000	8.140.537.500
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	3.266.550.000	2.891.700.000
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	326.125.286.080	117.674.550.985
<b>Mua hàng, nhận cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	49.610.500.842	33.637.487.558
<b>Thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị</b>		
Tiền lương và thưởng	4.464.558.260	1.249.700.000

**42. Sự kiện quan trọng trong kỳ và sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ngày 1 tháng 7 năm 2016, Tập đoàn Hàng không Nhật Bản ANA Holdings Inc. (ANA) đã hoàn tất việc chuyển 2.264 tỷ VND tiền mua 107.668.938 cổ phần (tương đương 8,77% vốn điều lệ) của Tổng Công ty. Bằng việc phát hành cổ phần cho ANA, vốn điều lệ của Tổng Công ty đã tăng từ 11.199 tỷ VND lên 12.275 tỷ VND, qua đó tỷ lệ sở hữu của Nhà nước sẽ giảm từ 94,44% xuống còn 86,16%.

Ngày 29 tháng 7 năm 2016, trang web chính thức của Tổng Công ty và hệ thống thông tin ở hai sân bay Nội Bài và Tân Sơn Nhất đã bị tin tặc tấn công. Một số dữ liệu trong đó có dữ liệu của thành viên chương trình Bông Sen Vàng bị tin tặc đánh cắp. Hiện tại, Tổng Công ty đang phối hợp với các đơn vị an ninh công nghệ để cùng đánh giá ảnh hưởng của cuộc tấn công mạng này đối với hệ thống công nghệ thông tin của Tổng Công ty cũng như để bảo đảm an toàn cho dữ liệu.



**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**43. Số liệu so sánh**

Kể từ ngày 1 tháng 4 năm 2015, Tổng Công ty đã chuyển đổi hình thức doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty cổ phần. Số liệu so sánh trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh liên quan là số liệu của kỳ ba tháng từ ngày 1 tháng 4 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và các số liệu này không thể so sánh tương ứng hoàn toàn với số liệu của kỳ hiện hành cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

14 -09- 2016

Người lập:



Hồ Xuân Tam  
Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Trần Thanh Hiền  
Kế toán trưởng



Dương Trí Thành  
Tổng Giám đốc